

**KHOA HỌC:
TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI. (TIẾP THEO)**

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Kể được tên một số cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình trao đổi chất ở người: tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết
- Biết được nếu một số cơ quan trên ngừng hoạt động,cơ thể sẽ chết

2 Kỹ năng : Hiểu được sự trao đổi chất ở người .

3. Thái độ : Giáo dục hs thích nghiên cứu khoa học

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình vẽ trang 8 -9(sgk).
- Phiếu bài tập.
- Bộ đồ chơi “ Ghép chữ vào chỗ...trong sơ đồ”

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs				
3'	1, Kiểm tra bài cũ:	- Giải thích sơ đồ sự trao đổi chất ở người? - Nhận xét, bổ sung, đánh giá.	- HS nêu. - Lớp nghe				
15'	2, Dạy bài mới: 2.1, Xác định những cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình trao đổi chất ở người.	<u>Mục tiêu:</u> Kể tên những biểu hiện bên ngoài của quá trình trao đổi chất và những cơ quan thực hiện quá trình đó. Nêu được vai trò của cơ quan tuần hoàn trong quá trình trao đổi chất xảy ra ở bên trong cơ thể đó. - Yêu cầu h.s quan sát các hình trang 8-sgk, thảo luận theo cặp: + Nêu tên và chức năng của từng cơ quan. + Cơ quan nào trực tiếp thực hiện quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường bên ngoài? - G tóm tắt ghi bảng: <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Tên cơ quan</th> <th>Chức năng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> - Bổ sung những diễn biến xảy ra bên trong cơ thể và vai trò	Tên cơ quan	Chức năng			- HS quan sát hình sgk. - HS thảo luận nhóm 2. - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: <i>Dấu hiệu bên ngoài của quá trình trao đổi chất.</i> - HS nêu. - HS chú ý nghe.
Tên cơ quan	Chức năng						

15'	2.2, Tìm hiểu mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc thực hiện sự TĐC ở người :	<p>của cơ quan tuần hoàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - G.v kết luận: + Những biểu hiện bên ngoài của quá trình TĐC và các cơ quan thực hiện quá trình đó là: Trao đổi khí, trao đổi thức ăn, bài tiết. + Nhờ có cơ quan tuần hoàn mà máu đem các chất dinh dưỡng và ô xi tới tất cả các cơ quan của cơ thể và đem các chất thải, chất độc từ các cơ quan của cơ thể ra ngoài. <p><u>Mục tiêu:</u> Trình bày được sự phối hợp hoạt động của các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết trong việc thực hiện sự TĐC ở bên trong cơ thể với môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho h.s chơi trò chơi ghép chữ: + GV phát cho mỗi nhóm một bộ đồ chơi gồm sơ đồ, phiếu rời. <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu - Đại diện các nhóm và giáo viên nhận xét. - Hàng ngày cơ thể phải lấy từ môi trường và thải ra môi trường những gì? - Nếu một cơ quan trong cơ thể ngừng hoạt động thì điều gì sẽ xảy ra? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi theo nhóm: + Các nhóm thi đua lựa chọn các phiếu cho trước để gắn vào chỗ ở sơ đồ cho phù hợp. - Các nhóm trình bày sản phẩm. - HS trình bày. <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày
5'	3, Cùng cố dặn dò:	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung bài học. - Chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe

TOÁN
LUYỆN TẬP

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Viết và đọc được các số có đến 6 chữ số.
- HS làm BT1,2. BT3(a,b,c). BT4(a,b).

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng đọc và viết số

3. Thái độ : Giáo dục hs yêu thích môn học.

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phấn màu
- Bảng ghi BT1

II, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
(3')	1, Kiểm tra bài cũ:	- Chữa bài tập luyện thêm.	
(6')	2, Bài mới: * Ôn lại các hàng:	- Kiểm tra vở bài tập của hs	
(9')	* HD L tập: Bài 1 Viết theo mẫu:	- GV viết: 824716, yêu cầu	- HS xác định các hàng và chữ số tương ứng của mỗi hàng
(8')	Bài 2:	- GV viết một vài số có 6 chữ số	- HS đọc to
(8')	Bài 3: (a, b, c)	Củng cố về đọc, viết số có 6 chữ số. - Yêu cầu h.s làm bài trên bảng. - Yêu cầu h.s đọc số. - Nhận xét, đánh giá .	- HS nêu yêu cầu của bài - 1 HS lên bảng làm - HS làm bài vào vở - HS đọc số.
(5')	Bài 4: (a.b)	a, Đọc số. b, Xác định giá trị của chữ số 5 trong các số trên. - Tổ chức cho h.s thảo luận nhóm đôi. - Nhận xét, đánh giá.	- HS nêu yêu cầu của bài. - HS thảo luận làm bài theo nhóm đôi.
		Viết các số sau: 4300; 24316; 24301; 180715; 307421; - Chữa bài, nhận xét.	- HS nêu yêu cầu của bài. - 3 HS lên bảng viết số. - H làm bài vào vở.

(1')	3, Củng cố, dặn dò :	Viết số thích hợp vào chỗ chấm. Yêu cầu h.s đọc từng dãy số. - Nhận xét . - Hướng dẫn h.s luyện tập thêm . - Chuẩn bị bài sau. - Nhận xét tiết học.	- HS nêu yêu cầu của bài. - HS điền số vào từng dãy số. - HS đọc các số trong từng dãy số. - HS nghe
------	----------------------	--	---

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU - ĐOÀN KẾT.

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán việt thông dụng) về chủ điểm “ thương người như thể thương thân” (BT1,BT4)
- Nắm được cách dùng một số từ có tiếng”nhân” theo hai nghĩa khác nhau : người, lòng thương người.(BT2,BT3)

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng mở rộng vốn từ nhân hậu –đoàn kết.

3. Thái độ : Giáo dục hs thích học tiếng việt.

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Các thẻ từ BT2, phiếu học tập.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv		Hoạt động của hs
3'	1, Kiểm tra bài cũ:	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng chỉ người trong gia đình mà phần vần có một âm (vd: cô), có hai âm (vd: cậu). - Nhận xét, 		<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng. - HS tìm các tiếng và ghi vào nháp.
10	2, Dạy bài mới. 2.1, Giới thiệu bài: 2.2, HD làm BT Bài 1:	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu mục tiêu bài học. *Tìm các từ ngữ. - Tổ chức cho h.s thảo luận theo nhóm 6. - Nhận xét bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> * HS nêu yêu cầu của bài. - HS thảo luận nhóm. - Các nhóm trình bày bài làm 	
	Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.	Trái nghĩa với nhân hậu hoặc yêu thương.	Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại.	Trái nghĩa với đùm bọc hoặc giúp đỡ.

	M: lòng thương người, lòng nhân ái.	M: độc ác	M: cứu mạng	M: ỨC HIẾP.
10'	Bài 2:	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bổ sung. - Yêu cầu thảo luận theo cặp. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài. - HS thảo luận nhóm 2. - 1 vài nhóm trình bày trước lớp.
		Tiếng <i>nhân</i> có nghĩa là người.		Tiếng <i>nhân</i> có nghĩa là lòng thương người.
		<i>Nhân dân, công nhân, nhân loại, nhân tài.</i>		<i>Nhân ái, nhân đức, nhân từ, nhân hậu.</i>
5'	Bài 3: Đặt câu với một từ ở bài tập 2.	<ul style="list-style-type: none"> - H/dẫn h.s hiểu 1 số từ ở nhóm 2. - Yêu cầu tìm thêm các từ có tiếng <i>nhân</i> ở cả 2 nhóm. - Nhận xét. 		
3'	3, Củng cố, dặn dò:	<ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ định - Y/c h.s đặt 2 câu: 1 câu với từ ở nhóm 1, 1 câu với từ ở nhóm 2. 		
		- Chuẩn bị bài sau.		

KỂ CHUYỆN:

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC.

I, MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Hiểu câu chuyện thơ *Nàng tiên ốc*, kể lại đủ ý bằng lời của mình
- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Con người cần yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng kể chuyện

3. Thái độ : Giáo dục hs biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh minh họa câu chuyện trang 18 sgk.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
------------------	-----------------	-------------------------	-------------------------

5'	1, Kiểm tra bài cũ:	- Kể lại câu chuyện Sự tích Hồ Ba Bể.	- 2 HS nối tiếp kể. - 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện. - Nêu ý nghĩa câu chuyện.
6'	2, Bài mới: 2.1, GTB 2.2, Tìm hiểu câu chuyện:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo tranh, giới thiệu câu chuyện - GV đọc diễn cảm bài thơ. - Yêu cầu h.s đọc lại bài thơ. <p><u>Đoạn 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bà lão nghèo làm gì để sống? - Con ốc bà bắt được có gì lạ? <p>- Bà lão đã làm gì khi bắt được ốc?</p> <p><u>Đoạn 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ khi có ốc bà lão thấy trong nhà có gì lạ? <p><u>Đoạn 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nhìn xem bà lão thấy điều gì lạ? - Khi đó bà đã làm gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chú ý nghe. - HS đọc bài thơ. - Bà mò cua bắt ốc. - Ốc rất xinh, vỏ biêng biếc xanh, không giống những con ốc khác. - Bà thương không muốn bán, thả vào chum nước. - Đi làm về bà thấy nhà cửa đã được dọn sạch sẽ, đàn lợn đã được cho ăn, cơm nước đã được nấu sẵn, vườn rau được nhặt sạch cỏ. - Bà thấy nàng tiên từ trong chum bước ra. - Bà đập vỡ vỏ ốc, ôm lấy nàng. - Bà lão và nàng tiên ốc sống hạnh phúc bên nhau.
7-8'	2.3, Hướng dẫn kể:	<ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện kết thúc như thế nào? - Thế nào là kể lại câu chuyện bằng lời của mình? - Yêu cầu h.s kể lại từng đoạn. - Yêu cầu h.s kể lại từng đoạn câu chuyện theo nhóm. Nhận xét lời kể của h.s. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng vai người kể kể lại câu chuyện. - HS kể mẫu đoạn 1. - HS. kể theo nhóm 4: Dựa vào bài thơ, dựa vào câu hỏi gợi ý gợi ý tìm hiểu nội dung câu chuyện. - HS kể trong nhóm. - HS thi kể trước lớp.
18'	2.4, HD kể toàn bộ câu chuyện:	- Y/cầu kể trong nhóm toàn bộ câu chuyện.	- HS thảo luận nhóm.

4'	2.5, Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức để h.s thi kể trước lớp. - Nhận xét cho điểm. - Tổ chức cho h.s thảo luận nhóm đôi nêu ý nghĩa câu chuyện. - <i>Gv nêu: Câu chuyện nói về tình thương yêu nhau giữa bà lão và nàng tiên. Bà thương không muốn bán, ốc biến thành nàng tiên giúp đỡ bà.</i> 	- HS nêu ý nghĩa câu chuyện.
3'	3, Củng cố, dặn dò:	<ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện Nàng tiên ốc giúp em hiểu điều gì? - Kể lại câu chuyện cho mọi người nghe, tìm đọc thêm những chuyện về lòng nhân hậu. 	- HS nêu.

LỊCH SỬ

LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ.(Tiếp theo)

I, Mục tiêu:

- Nêu được các bước sử dụng bản đồ : đọc tên, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử hay địa lý trên bản đồ
- Biết đọc tên bản đồ ở mức độ đơn giản ; Dựa vào kí hiệu màu sắc phân biệt độ cao, nhận biết núi, cao nguyên, đồng bằng, vùng biển

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ hành chính Việt Nam.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

ND - TL	GV	HS
1, KTBC: (2')	<ul style="list-style-type: none"> - Học lịch sử và địa lí cho em biết điều gì ? - GV nhận xét, đánh giá 	- 1,2 Hlên bảng nêu
2, Dạy bài mới: 2.1, GTB: (1') 2.2, Cách sử dụng bản đồ: (15')	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu mục tiêu tiết học - GV nêu câu hỏi, yêu cầu: + Tên bản đồ cho ta biết điều gì? + Đọc các kí hiệu của một số đối tượng địa lí (ở tiết trước-H3) + Chỉ trên đường biên giới phân đất liền của Việt Nam với các nước và 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp quan sát, trả lời: + Cho biết nội dung của BĐ. + Một số h.s đọc. + HS xác định đường biên giới đất liền.

<p>2.3, Bài tập: (15')</p> <p>3, Củng cố, dặn dò: (3')</p>	<p>giải thích vì sao lại biết đó là biên giới quốc gia? + Khi sử dụng bản đồ thực hiện theo mấy bước? đó là những bước nào?</p> <p>- Yêu cầu h.s thảo luận theo nhóm lần lượt làm các bài tập a,b trong sgk. - GV nhận xét hoàn thiện câu trả lời. + Các nước láng giềng của Việt Nam là: Lào, Cam-pu-chia. + Vùng biển nước ta là một phần của Biển Đông. + Quần đảo của Việt Nam: Hoàng Sa, Trường Sa. + Một số đảo của Việt Nam: Phú Quốc, Côn Đảo, Cát Bà. + Một số sông chính : Sông Hồng, sông Thái Bình, Sông Tiền, sông Hậu. - Gv treo bản đồ hành chính Việt Nam. -Yêu cầu: Đọc tên bản đồ, Xác định hướng Bắc, Nam, Đông, Tây. Nêu vị trí một số tỉnh giáp với tỉnh mình đang sống. - Nêu lại cách sử dụng bản đồ. - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>+ Thực hiện theo 3 bước: * Đọc tên bản đồ. * Xem bảng chú giải để biết kí hiệu đối tượng lịch sử hoặc địa lí. * Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- HS quan sát bản đồ. - HS chỉ trên bản đồ vị trí các tỉnh láng giềng.</p> <p>- HS nêu</p>
--	--	---

TẬP ĐỌC:

Bài: TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH.

(Theo Lâm Thị Vỹ Dạ)

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng tự hào, tình cảm

- Hiểu ND: Ca ngợi truyện cổ của nước ta vừa nhân hậu, thông minh vừa chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông. (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc 10 dòng thơ đầu hoặc 12 dòng thơ cuối)

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng đọc diễn cảm

3. Thái độ : Giáo dục hs yêu truyện cổ nước nhà.

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh hoạ bài đọc.

- Bảng phụ viết sẵn 10 câu thơ đầu.

- Các tập truyện cổ Việt Nam hoặc truyện tranh: Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
5'	1, Kiểm tra bài cũ:	- Đọc truyện Dế Mèn bênh vực kẻ yếu. - Em thích hình ảnh nào về Dế Mèn? Vì sao? - Theo em, Dế Mèn là người như thế nào? - Đánh giá,	- HS đọc truyện. - HS nêu.
3'	2, Dạy bài mới: 2.1, GTB:	- Treo tranh, giới thiệu nhân vật trong truyện cổ tích. - Kể tên một số truyện cổ tích mà em đã được đọc hoặc nghe. - ...Cùng xem vì sao nhà thơ yêu truyện cổ nước mình nhé	- HS quan sát tranh. - HS kể tên một số truyện cổ tích.
10'	2.2, Hướng dẫn: a, Luyện đọc:	- GV hướng dẫn - Tổ chức cho h.s đọc nối tiếp đoạn. Gv chỉnh sửa cách đọc - GV yêu cầu - Gv chỉ định, nhận xét - Gv chỉ định, đánh giá - Gv đọc mẫu.	- HS chia đoạn. - HS đọc nối tiếp đoạn 2 - 3 lượt. - HS đọc trong nhóm 3. - Một vài nhóm đọc trước lớp. - 1 - 2 h.s đọc toàn bài.
10'	b, Tìm hiểu bài:	- Vì sao tác giả yêu truyện cổ nước nhà? - Em hiểu “ Vàng con nấng,	- Truyện cổ rất nhân hậu, có ý nghĩa sâu xa. - Truyện cổ đề cao phẩm chất tốt đẹp của cha ông ta. - Truyện cổ là những lời khuyên dạy của ông cha ta.

<p>8'</p> <p>2'</p>	<p>c, Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ:</p> <p>3, Cùng cố, dặn dò:</p>	<p>trắng cơn mưa” như thế nào?</p> <p>- Từ <i>nhận mặt</i> có nghĩa như thế nào?</p> <p>- Đoạn thơ cuối bài cho em hiểu điều gì?</p> <p>+ Đoạn thơ gợi cho em nhớ đến truyện cổ nào? Chi tiết nào cho em biết điều đó?</p> <p>- Ngoài ra em còn biết câu chuyện nào nói về lòng nhân hậu của người Việt Nam ta? Nêu ý nghĩa của truyện đó?</p> <p>- Em hiểu ý hai dòng thơ cuối bài như thế nào?</p> <p>- Bài thơ Truyện cổ nước mình nói lên điều gì?</p> <p>- Hướng dẫn h.s đọc diễn cảm bài thơ.</p> <p>- Tổ chức cho h.s thi đọc diễn cảm.</p> <p>- Yêu cầu h.s đọc thầm cho thuộc bài thơ.</p> <p>- Tổ chức cho h.s thi đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>- Nhận xét, cho điểm.</p> <p>- Qua câu chuyện cổ, ông cha ta muốn khuyên con cháu điều gì?</p> <p>- Đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>- Cbị bài sau.</p>	<p>- Ông cha ta trải qua bao nắng mưa, qua thời gian để đúc rút những bài học kinh nghiệm cho con cháu.</p> <p>- Giúp cho con cháu nhận ra truyền thống tốt đẹp, bản sắc của dân tộc, của ông cha ta từ bao đời nay.</p> <p>- Ca ngợi truyện cổ đề cao lòng nhân hậu, ăn ở hiền lành.</p> <p>- HS đọc thầm 6 dòng thơ cuối bài.</p> <p>+ Truyện Tấm Cám - thị thơm.</p> <p>+ Truyện Đẽo cày giữa đường - đẽo cày theo ý người ta.</p> <p>- HS nêu tên và ý nghĩa một vài câu chuyện.</p> <p>- Hai dòng thơ cuối bài là lời ông cha ta căn dặn con cháu: Hãy sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ, tự tin.</p> <p>- 2 h.s đọc lại toàn bài và nêu nội dung bài thơ.</p> <p>- HS phát biểu cách đọc hay.</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm bài thơ.</p> <p>- HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>- 1,2 hs thi đọc trước lớp</p> <p>- HS nêu.</p>
---------------------	--	---	---

TẬP LÀM VĂN:
Bài : KỂ LẠI HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT.

I, MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Hiểu được hành động của nhân vật thể hiện tính cách nhân vật; nắm được cách kể hành động của nhân vật (ND ghi nhớ)
- Biết dựa vào tính cách để xác định hành động của từng nhân vật (Chim Sẻ, Chim Chích), bước đầu biết sắp xếp các hành động theo thứ tự trước- sau để thành câu chuyện

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng viết văn kể lại hành động nhân vật

3. Thái độ : Giáo dục hs thích viết văn .

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu thảo luận cho các nhóm:

Hành động của cậu bé.	Ý nghĩa của hành động.
Giờ làm bài:	
Giờ trả bài:	
Lúc ra về:	

- Bảng phụ ghi câu văn có dấu chấm để luyện tập.

- 6 thẻ từ mỗi loại: Chích , Sẻ.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
3'	1, Kiểm tra bài cũ	- Thế nào là kể chuyện? - Những điều gì thể hiện tính cách của nhân vật trong truyện? - Đánh giá,	- 1,2 HS nêu
17-18'	2, Bài mới. 2.1,GTB 2.2,Nhận xét:	Kể lại hành động của nhân vật. - Đọc truyện: Bài văn bị điểm 0. - Ghi vắn tắt những hành động của cậu bé bị điểm 0 trong truyện. Mỗi hành động nói lên điều gì? - Thế nào là ghi vắn tắt? - Nhận xét, bổ sung. - Em hãy kể lại câu chuyện. <i>Gv nêu: Tình cha con là tình cảm tự nhiên, rất thiêng liêng. Hình ảnh cậu</i>	- HS đọc truyện . - HS thảo luận nhóm 4. ghi kết quả vào phiếu. - Ghi vắn tắt là ghi nội dung chính, quan trọng. - Các nhóm báo cáo kết quả. - HS kể lại câu chuyện. - HS chú ý nghe.

		<p><i>bé khóc khi bạn hỏi sao không tả ba của người khác đã gây xúc động trong lòng người đọc bởi tình yêu cha, lòng trung thực, tâm trạng buồn tủi vì mất cha của cậu bé.</i></p> <p>- Các hành động nói trên được kể theo thứ tự như thế nào?</p> <p>- Khi kể hành động của nhân vật cần chú ý điều gì?</p> <p><u>Gv nêu:</u> <i>Hành động tiêu biểu của nhân vật là hành động quan trọng nhất trong một chuỗi hành động của nhân vật.</i></p>	
5'	2.3, Ghi nhớ:	<p>- Gv yêu cầu</p> <p>- Lấy ví dụ chứng tỏ khi kể chuyện chỉ kể các hành động tiêu biểu, hành động nào xảy ra trước thì kể trước?</p>	<p>- Hành động nào xảy ra trước thì kể trước, hành động nào xảy ra sau thì kể sau.</p> <p>- Kể những hành động tiêu biểu của nhân vật.</p> <p>- HS nêu ghi nhớ sgk.</p> <p>- Lấy ví dụ.</p>
10'	2.4, Luyện tập:	<p>- Yêu cầu h.s đọc bài tập.</p> <p>- Tổ chức cho h.s thảo luận theo nhóm.</p> <p>- Sắp xếp các hành động thành câu chuyện.</p> <p>- Nhận xét cách sắp xếp của h.s.</p> <p>- Kể lại câu chuyện theo dàn ý đã sắp xếp.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu của bài.</p> <p>- HS thảo luận nhóm.</p> <p>- HS nêu các hành động đã sắp xếp</p>
1'	3, Cùng cố, dặn dò	<p>- Kể lại câu chuyện theo dàn ý đã sắp xếp.</p> <p>- Học thuộc phần ghi nhớ.</p> <p>- Viết lại câu chuyện Chim sẻ và chim chích.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS kể lại câu chuyện.</p>

TOÁN:
Bài: HÀNG VÀ LỚP.

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Biết được các hàng trong lớp đơn vị , lớp nghìn .
- Biết giá trị của chữ số theo vị trí của từng chữ số đó trong mỗi số.
- Biết viết số thành tổng theo mẫu

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng nhận biết hàng và lớp.

3. Thái độ : Giáo dục hs thích học toán

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng kẻ sẵn các lớp, các hàng của số có 6 chữ số như sgk.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
(5')	1, Kiểm tra bài cũ:	- Chữa bài tập luyện thêm. - Kiểm tra vở bài tập của h.s. - Đánh giá,	- Hs mở vở bài tập
(1')	2, Bài mới:	- GV nêu MT tiết học	
(8')	2.1, GTB:	- GV nêu MT tiết học	
(8')	2.2, Giới thiệu lớp đơn vị, lớp nghìn.	- Nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ bé đến lớn? - GV giới thiệu: các hàng này được sắp xếp thành các lớp. - Lớp đơn vị gồm ba hàng, lớp nghìn gồm ba hàng.	- HS nêu tên các hàng đã học từ bé đến lớn. - HS chú ý nghe.
10'	2.3, LTập : * <u>Bài 1:</u> Viết theo mẫu	- GV viết số 54 321 vào cột ghi tên hàng. - Tương tự với các số khác. - Yêu cầu h.s đọc các số trong bảng. - Nhận xét, cho điểm.	- HS nêu lại tên hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn. - HS đọc số. * HS nêu y/c của bài 1. - HS đọc số trong bảng. - HS trả lời.
10'	* <u>Bài 2:</u>	a, Đọc các số sau và cho biết chữ số 3 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào? - Nhận xét.	- HS. thực hiện.

		b, Hoàn thành bảng sau:		
	Số	46 307	305 804	960 783
	Giá trị của chữ số 3			
5'	* Bài 3: Viết số sau thành tổng (theo mẫu):	- GV hướng dẫn mẫu $52\ 314 = 50000 + 2000 + 300 + 10 + 4$ - Nhận xét , đánh giá.		- HS nêu y/c của bài. - HS dựa vào mẫu làm bài
1'	3, C.có- dẫn dò :	- Chuẩn bị bài sau. - Nhận xét tiết học.		- HS nghe

KĨ THUẬT:

Bài : CẮT VẢI THEO ĐƯỜNG VẠCH DẤU.

I, Mục tiêu:

- H biết vạch dấu trên vải và cắt vải theo đường vạch dấu.
- Vạch được đường dấu trên vải (vạch đường thẳng, đường cong) và cắt được vải theo đường vạch dấu .Đường cắt có thể gấp mô
- Giáo dục ý thức an toàn lao động.

II, Đồng dùng dạy học:

- Mẫu một mảnh vải đã được vạch dấu theo đường thẳng, đường cong bằng phấn may và đã cắt được một đoạn khoảng 7-8 cm theo đường vạch dấu thẳng.
- Vật liệu và dụng cụ cần thiết: Một mảnh vải có kích thước 20cm x 30cm; kéo cắt vải, phấn, thước.

III, Các hoạt động dạy học:

ND - TL	GV	HS
1, Kiểm tra bài cũ: (2')	- Kiểm tra sự chuẩn bị của h.s - Nhận xét.	
2, Bài mới: 2.1, GTB:(1')	- Cắt vải theo đường vạch dấu.	
2.2, HD quan sát, nhận xét. (5')	- GV giới thiệu mẫu. - GV cho lớp q/s vật mẫu, yêu cầu: + Hình dáng các đường vạch dấu + Đường vạch dấu có tác dụng gì? - Nhận xét.	- HS q/s kĩ trả lời : + Hình dáng đường vạch dấu: đường thẳng, đường cong. + Có tác dụng: đường cắt thẳng, mịn, không cong queo.
2.3,H.dẫn thao tác kĩ thuật:		

a, Vạch dấu trên vải: (5')	- GV yêu cầu - Nêu cách vạch dấu đường thẳng, đường cong trên vải? - G đính vải trên bảng. * G nêu lưu ý cách vạch dấu. (sgk)	- HS quan sát hình vẽ sgk. - HS nêu cách vạch dấu. - HS lên bảng thực hiện vạch dấu.
b, Cắt vải theo đường vạch dấu: (7')	- GV nêu tiếp yêu cầu - Nêu cách cắt vải theo đường vạch dấu. * G.v nêu một vài lưu ý như sgk.	- HS quan sát hình vẽ. - HS nêu cách cắt vải theo đường vạch dấu.
c, Thực hành vạch dấu và cắt vải theo đường vạch dấu. (12')	- Kiểm tra sự chuẩn bị của h.s. - Kiểm tra dụng cụ của h.s. - Nêu thời gian và yêu cầu thực hành: vạch 2 đường dấu, mỗi đường dấu cách nhau 3 - 4cm, cắt vải theo 2 đường dấu đó.	- HS chuẩn bị đầy đủ vật liệu, dụng cụ để thực hành. - HS thực hành.
d, Đánh giá kết quả học tập của h.s. (6')	- Tổ chức trưng bày sản phẩm. - Nêu tiêu chuẩn đánh giá. - G.v nhận xét, đánh giá.	- HS trưng bày sản phẩm. - Lớp lắng nghe - HS tự đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.
3, Củng cố, dặn dò: (2')	- Nhận xét tinh thần học tập của học sinh. - Chuẩn bị bài sau.	- Lớp nghe

TOÁN:

Bài : SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ.

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Học sinh biết so sánh các số có nhiều chữ số
- Biết sắp xếp 4 số tự nhiên có không quá sáu chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng so sánh số có nhiều chữ số.

3. Thái độ : Giáo dục hs thích học toán.

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phấn màu
- Bảng nhóm

II CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
----	----------	------------------	------------------

(3')	1, Kiểm tra bài cũ:	<ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài tập ở nhà - KT vở bài tập - Nhận xét đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng. - 1 vài HS mang vở lên
(1')	2, Bài mới:		
(10')	2.1, GTB:	- GV nêu mục tiêu tiết học	
	2.2, Hướng dẫn so sánh các số có nhiều chữ số.	<p>a, So sánh các số có nhiều chữ số khác nhau: Số: 99 578 và 100 000</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh hai số trên. Giải thích vì sao em biết? <p>- Khi so sánh các số có nhiều chữ số khác nhau ta so sánh như thế nào?</p> <p>b, So sánh các số có số các chữ số bằng nhau Số: 693 251 và 693 500</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh hai số trên. <p>- Khi so sánh các số có số các chữ số bằng nhau ta so sánh như thế nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu . + 99 578 < 100 000. + Vì: số 99 578 có 5 chữ số; số 100 000 có 6 chữ số. - Khi so sánh các số có nhiều chữ số khác nhau ta so sánh số các chữ số.... <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: + 693 251 < 693 500. + Vì: Cùng có 6 chữ số, lớp nghìn giống nhau nhưng lớp đơn vị của số 693 251 nhỏ hơn nên số đó nhỏ hơn. - Khi s/s các số có chữ số bằng nhau ta so sánh các hàng, các lớp với nhau.
(8')	2.3, Luyện tập: <u>Bài 1</u> : <, >, = ?	Mục tiêu: Rèn kỹ năng so sánh các số có nhiều chữ số.	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài. - HS làm bài. 9 999 < 10 000 653 211 = 653 211 99 999 < 100 000 43 256 < 432 510. 726 585 > 557 652 845 713 < 854 713
(6')	<u>Bài 2</u> : Tìm số lớn nhất trong	- Chữa bài, đánh giá.	
		- GV yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu. - HS làm bài.

(10')	các số:	- Chữa bài, nhận xét.	Số 902 011 là số lớn nhất trong các số đã cho.
	<u>Bài 3</u> : Xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:	- GV yêu cầu, chỉ định - Nhận xét, đưa ra đáp án đúng	- HS nêu yêu cầu. - HS làm bài. Thứ tự từ bé đến lớn: 2 467; 28 092; 932 018; 943 567.
(2')	3, Cùng cố dặn dò.	- Cách so sánh các số có nhiều chữ số. - Chuẩn bị bài sau.	- HS nêu

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

Bài : DẤU HAI CHẤM.

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Hiểu được tác dụng của dấu hai chấm trong câu (ND Ghi nhớ)
- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); Bước đầu biết dùng dấu hai chấm khi viết văn (BT2)

2 Kỹ năng : Rèn kỹ năng sử dụng dấu hai chấm khi viết văn.

3. Thái độ : Giáo dục hs thích học tiếng việt

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết nội dung phần ghi nhớ.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs
3'	1, Kiểm tra bài cũ:	- Đọc các từ ngữ bài 1. - Nêu các câu tục ngữ, thành ngữ nói về nhân hậu- đoàn kết. - Nhận xét.	- 1 HS đọc to - 1,2 HS nêu
7'	2, Bài mới: 2.1, GTB: 2.2, Phần nhận xét:	- Các em đã biết dấu hai chấm. Nó có tác dụng gì trong câu,cách sử dụng như thế nào? Bài học này các em sẽ biết đấy - Đọc các câu văn, thơ sgk - 22. - Dấu hai chấm có tác dụng gì trong các câu? Nó được dùng phối hợp với dấu câu nào? - Dấu hai chấm có tác dụng gì?	- Lớp nghe - HS đọc câu văn, thơ sgk. - Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời của Bác Hồ. Nó dùng phối hợp với dấu ngoặc kép. - Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời của nhân vật

<p>2’</p> <p>25’</p>	<p>2.3, Phần ghi nhớ: 2.4, Phần L tập: Bài 1:</p> <p>Bài 2:</p> <p>3, Củng cố, dặn dò:</p>	<p>- G kết luận, yêu cầu</p> <p>*Trong các câu sau, mỗi dấu hai chấm có tác dụng gì? - Tổ chức cho h.s thảo luận nhóm đôi</p> <p>- Chữa bài, nhận xét.</p> <p>*Viết đoạn văn theo truyện Nàng tiên ốc, trong đó có ít nhất hai lần dùng dấu hai chấm.. - Khi dấu hai chấm dùng để dẫn lời nhân vật thì có thể dùng kết hợp với dấu câu nào? - Khi dấu hai chấm dùng để báo hiệu lời giải thích thì được dùng kết hợp với dấu câu nào?</p> <p>- Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Dấu hai chấm có tác dụng gì? - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>nói (hay lời giải thích cho bộ phận đứng trước). Phối hợp với dấu gạch đầu dòng. - Dấu hai chấm báo hiệu lời giải thích. - HS nêu ghi nhớ sgk.</p> <p>* HS nêu yêu cầu của bài.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi. - HS trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>* HS nêu yêu cầu.</p> <p>- Dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hoặc khi xuống dòng phối hợp với dấu gạch đầu dòng. - Không cần dùng phối hợp với dấu câu nào. - HS viết đoạn văn. - HS đọc đoạn văn đã viết. - HS chữa bài bổ sung.</p> <p>- HS nêu</p>
<p>2’</p>			

KHOA HỌC:

**Bài: CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ TRONG THỨC ĂN.
VAI TRÒ CỦA CHẤT BỘT ĐƯỜNG.**

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Kể tên được các chất dinh dưỡng có trong thức ăn : chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng

2 Kỹ năng :Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất bột đường : gạo, bánh mì, khoai, ngô, sắn,...

3. Thái độ : Giáo dục hs thích tìm hiểu các chất dinh dưỡng

II, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình sgk - 10,11.

- Phiếu học tập.

III, CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của gv	Hoạt động của hs																																
3'	1, Kiểm tra bài cũ	- Nêu tên các cơ quan thực hiện quá trình trao đổi chất ở người?	- 1,2 HS nêu																																
10'	2, Bài mới: 2.1,GTB: 2.2, Tập phân loại thức ăn:	- Tổ chức cho h.s thảo luận nhóm + Nói tên các thức ăn nước uống thường dùng hàng ngày. + Hoàn thành bảng sau: - Nhận xét, bổ sung.	- HS thảo luận nhóm đôi - Nhóm hoàn thành bảng, trình bày.																																
			<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Tên thức ăn đồ uống</th> <th colspan="2">Nguồn gốc</th> </tr> <tr> <th>Thực vật</th> <th>Động vật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Rau cải</td> <td>X</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đậu cô ve</td> <td>X</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Bí đao</td> <td>X</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lạc</td> <td>X</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thịt gà</td> <td></td> <td>X</td> </tr> <tr> <td>Sữa</td> <td></td> <td>X</td> </tr> <tr> <td>Cam</td> <td>X</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cá</td> <td></td> <td>X</td> </tr> <tr> <td>Cơm</td> <td>X</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Tên thức ăn đồ uống	Nguồn gốc		Thực vật	Động vật	Rau cải	X		Đậu cô ve	X		Bí đao	X		Lạc	X		Thịt gà		X	Sữa		X	Cam	X		Cá		X	Cơm	X	
Tên thức ăn đồ uống	Nguồn gốc																																		
	Thực vật	Động vật																																	
Rau cải	X																																		
Đậu cô ve	X																																		
Bí đao	X																																		
Lạc	X																																		
Thịt gà		X																																	
Sữa		X																																	
Cam	X																																		
Cá		X																																	
Cơm	X																																		
12'	2.3, Tìm hiểu vai trò của chất bột đường.	* Kết luận: Nêu các cách phân loại t/ăn. - Yêu cầu quan sát H11 sgk. - Nêu tên những loại thức ăn chứa nhiều chất bột đường có trong hình. - Nêu vai trò của chất bột đường? * Kết luận: sgk.	- HS quan sát hình vẽ sgk. - Nêu tên các loại thức ăn có chứa nhiều chất bột đường có trong hình. - HS nêu vai trò của chất bột đường.																																

10'	2.4, Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất bột đường.	<ul style="list-style-type: none"> - G.v phát phiếu cho h.s. - Nhận xét, hoàn chỉnh phiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân trên phiếu học tập. - Một vài h.s trình bày bài làm trên phiếu.
	STT	Tên thức ăn chứa nhiều chất bột đường.	Từ loại cây nào?
	1	Gạo	
	2	Ngô	
	3	Bánh quy	
	4	Bánh mì	
	5	Mì sợi	
	6	Chuối	
	7	Bún	
	8	Khoai lang	
	9	Khoai tây	
2'	3, Củng cố, dặn dò:	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu tóm tắt nội dung bài. - Chuẩn bị bài sau. 	- Lớp nghe

TẬP LÀM VĂN:

Bài : TẢ NGOẠI HÌNH CỦA NHÂN VẬT TRONG VĂN KỂ CHUYỆN.

I, MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật (ND Ghi nhớ)